

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Quy chế này quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở (THCS) và học sinh trung học phổ thông (THPT) bao gồm đánh giá, xếp loại học sinh kiến thức; đánh giá, xếp loại học sinh lý; số điểm kết quả đánh giá, xếp loại; trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở (THCS) và học sinh trung học phổ thông (THPT) bao gồm đánh giá, xếp loại học sinh kiến thức; đánh giá, xếp loại học sinh lý; số điểm kết quả đánh giá, xếp loại; trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.

2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh các trường THCS; trường THPT (bao gồm cả trường THPT chuyên, khối THPT chuyên của các sở giáo dục địa phương); cấp THCS, cấp THPT trong trường phổ thông có nhu cầu học.

Điều 2. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá chất lượng giáo dục toàn diện đối với học sinh sau mỗi học kỳ, mỗi năm học nhằm thúc đẩy học sinh rèn luyện, học tập để không ngừng tiến bộ.

2. Căn cứ đánh giá, xếp loại học sinh kiến thức và học sinh lý của học sinh được đưa

trên cơ sở sau đây:

a) Mục tiêu giáo dục của cấp học;

b) Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học;

c) Điều lệ nhà trường;

d) Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

3. Đánh giá, xếp loại học sinh kiến thức, học sinh lý dựa trên nguyên tắc khách quan, chính xác, công bằng, công khai, đúng chất lượng; tuy không căn cứ kết quả xếp loại học sinh để đánh giá, xếp loại học sinh kiến thức hoặc ngược lại nhưng cần chú ý đến tác động qua lại giữa học sinh kiến thức và học sinh lý.

CHƯƠNG II: ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH KIẾN THỨC

Điều 3. Căn cứ đánh giá, xếp loại và các loại học sinh kiến thức

1. Đánh giá học sinh kiến thức của học sinh phải căn cứ vào biểu hiện của thái độ và hành vi đối

Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh

Viết bởi Administrator

Chủ nhật, 26 Tháng 8 2012 16:29 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 28 Tháng 1 2015 10:28

đọc; lắng nghe trong mọi quan hệ với thầy giáo, cô giáo, với bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và hoạt động xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường.

2. Học sinh được xếp thành 4 loại: tốt (viết tắt: T), khá (viết tắt: K), trung bình (viết tắt: Tb), yếu (viết tắt: y) sau khi kết thúc học kỳ, năm học. Việc xếp loại học sinh được căn cứ năm học chuyển từ căn cứ kết quả xếp loại học sinh kỳ trước.

Điều 4. Tiêu chuẩn xếp loại học sinh

1. Loại tốt:

- a) Luôn kính trọng người trên, thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường; tham gia yêu cầu và giúp đỡ các em học sinh; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết với các bạn, được các bạn tin yêu;
- b) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, khiêm tốn;
- c) Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, cố gắng vươn lên trong học tập;
- d) Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định và trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội và tiêu cực trong học tập, kiểm tra, thi cử;
- đ) Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- e) Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục quy định trong Kế hoạch giáo dục, các hoạt động chính trị, xã hội do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiến phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; chăm lo giúp đỡ gia đình.

2. Loại khá: thực hiện được những quy định tại khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức của loại tốt; đôi khi có thiếu sót nhưng sửa chữa ngay khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

3. Loại trung bình: có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu sửa chữa những thiếu sót còn lại.

4. Loại yếu: học sinh có một trong những khuyết điểm sau đây:

- a) Có sai phạm về tính chất nghiêm trọng hoặc phạm vi phạm vi phạm trong việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, được giáo dục nhắc nhở sửa chữa;
- b) Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường;
- c) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử;

d) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bên học của người khác; đánh nhau, gây rối trật tự, trật an trong nhà trường học ngoài xã hội;

đ) Đánh bạc; vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy, vũ khí, chất nổ, chất độc

hại; lười hành văn hoá phẩm đạo đức, đi truộm học tham gia tệ nạn xã hội.

CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH

Điều 5. Căn cứ đánh giá, xếp loại và các loại học sinh

1. Căn cứ đánh giá học sinh của học sinh:

a) Hoàn thành chương trình các môn học trong Kế hoạch giáo dục của cấp THCS, cấp THPT;

b) Kết quả đạt được của các bài kiểm tra;

2. Học sinh được xếp thành 5 loại: loại giỏi (viết tắt: G), loại khá (viết tắt: K), loại trung bình (viết tắt: Tb), loại yếu (viết tắt: y), loại kém (viết tắt là: kém).

Điều 6. Hình thức đánh giá, các điểm trung bình và thang điểm

1. Hình thức đánh giá, các loại điểm trung bình:

a) Kiểm tra và cho điểm các bài kiểm tra;

b) Tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau một học kỳ, một năm học.

2. Cho điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm này khi ghi kết quả đánh giá, xếp loại.

Điều 7. Hình thức kiểm tra, loại bài kiểm tra, hệ số điểm bài kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra: kiểm tra miệng (kiểm tra bằng hỏi đáp), kiểm tra viết và kiểm tra thực hành.

2. Các loại bài kiểm tra:

a) Kiểm tra thực nghiệm xuyên (KTtx) gồm: kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 1 tiết; kiểm tra thực hành dưới 1 tiết;

b) Kiểm tra định kỳ (KTđk) gồm: kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; kiểm tra học kỳ (KThk).

3. Học sinh điếm kiểm tra:

- a) Học sinh 1: điếm kiểm tra thường xuyên;
- b) Học sinh 2: điếm kiểm tra viết, kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên;
- c) Học sinh 3: điếm kiểm tra học kỳ.

Điều 8. Số lần kiểm tra và cách cho điếm

1. Số lần KTĐK được quy định trong phân phối chương trình từng môn học, bao gồm cả kiểm tra các loại kiểm tra thường xuyên.
2. Số lần KTTx: trong mỗi học kỳ môn học sinh phải có số lần KTTx của từng môn học, bao gồm cả kiểm tra các loại kiểm tra thường xuyên, như sau:
 - a) Môn học có từ 1 tiết trở xuống trong 1 tuần: ít nhất 2 lần;
 - b) Môn học có từ trên 1 tiết đến dưới 3 tiết trong 1 tuần: ít nhất 3 lần;
 - c) Môn học có từ 3 tiết trở lên trong 1 tuần: ít nhất 4 lần.
3. Số lần kiểm tra đối với môn chuyên: ngoài số lần kiểm tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hiệu trưởng trường THPT chuyên có thể quy định thêm một số bài kiểm tra cho môn chuyên.
4. Điếm các bài KTTx theo hình thức tự luận cho điếm số nguyên; điếm KTTx theo hình thức trắc nghiệm hoặc có phần trắc nghiệm và điếm KTĐK được lấy để nhân một cho số thập phân sau khi đã làm tròn số.
5. Học sinh không có đủ số bài kiểm tra theo quy định thì phải điếm kiểm tra bù. Bài kiểm tra bù phải có hình thức, mức độ kiến thức, kỹ năng và thời lượng tương đương với bài kiểm tra bình thường. Học sinh không điếm kiểm tra bù thì bằng 0. Thời điểm tiến hành kiểm tra bù được quy định như sau:
 - a) Nếu thi bài KTTx môn nào thì giáo viên môn học đó phải bố trí cho học sinh kiểm tra bù kịp thời;
 - b) Nếu thi bài kiểm tra viết, bài kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên của môn học hoặc học kỳ nào thì kiểm tra bù trước khi kiểm tra học kỳ môn học đó;
 - c) Nếu thi bài KThk của học kỳ nào thì tiến hành kiểm tra bù ngay sau khi kiểm tra học kỳ đó.

Điều 9. Học sinh điếm môn học khi tham gia tính điếm trung bình các môn học kỳ và cả năm học

1. Đối với THCS:

a) Học sinh 2: môn Toán, môn Ngữ văn;

b) Học sinh 1: các môn còn lại.

2. Đối với THPT:

a) Ban Khoa học tự nhiên (KHTN):

- Học sinh 2: các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học;

- Học sinh 1: các môn còn lại.

b) Ban Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXX-NV):

- Học sinh 2: các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ, Tiếng Anh;

- Học sinh 1: các môn còn lại.

c) Ban Công nghệ:

- Học sinh 2 tính theo quy định như sau đây:

+ Nếu học sinh 3 hoặc 2 môn học nâng cao (học theo sách giáo khoa nâng cao hoặc học theo sách giáo khoa biên soạn theo chương trình chuẩn cùng với chương trình nâng cao của môn học đó) thì tính cho cả 3 hoặc 2 môn học nâng cao đó;

+ Nếu học sinh 1 môn nâng cao là Toán hoặc Ngữ văn thì tính thêm cho môn còn lại trong 2 môn Toán, Ngữ văn; nếu học sinh 1 môn nâng cao mà môn đó không phải là Toán hoặc Ngữ văn thì tính thêm cho 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn;

+ Nếu không học môn nâng cao nào thì tính cho 2 môn Toán và Ngữ văn.

- Học sinh 1: các môn còn lại.

3. Đối với học sinh THPT chuyên:

a) Học sinh 3: môn chuyên;

b) Học sinh 2: nếu học sinh ban KHTN và ban KHXX-NV thì tính cho các môn học nâng cao, trừ môn chuyên; nếu học sinh ban Công nghệ thì theo quy định như sau:

điểm môn 2 Điều này, trừ môn chuyên;

Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh

Vị trí bài Administrator

Chủ nhật, 26 Tháng 8 2012 16:29 - Lần cập nhật cuối: Thứ 7, 28 Tháng 1 2015 10:28

c) Học sinh 1: các môn còn lại.

4. Đối với học sinh THPT kết thúc, điểm học sinh 2: các môn Toán, Kết thúc ngữ; điểm học sinh 1: các môn còn lại.

Điều 10. Kiểm tra, cho điểm môn học tập chung và cho điểm tập chung thu các môn học

1. Môn học tập chung: việc kiểm tra, cho điểm, tính điểm trung bình môn học và tham gia tính điểm trung bình các môn học đối với môn học tập chung theo hình thức môn học khác.

2. Cho điểm tập chung thu các môn học:

a) Các loại cho điểm tập chung của môn nào thì kiểm tra và cho điểm trong quá trình học tập môn đó;

b) Điểm kiểm tra các loại cho điểm tập chung của môn học nào thì tham gia tính điểm trung bình của môn học đó.

Điều 11. Điểm trung bình môn học

1. Điểm trung bình môn học kỳ (ĐTBmhk) là trung bình cộng của điểm các bài KTtx, KTđk và KThk với các học sinh quy định như Điều 7 của Quy chế này:

$$\text{ĐKTtx} + 2 \times \text{ĐKTđk} + 3 \times \text{ĐKThk}$$

$$\text{ĐTBmhk} = \frac{\text{ĐKTtx} + 2 \times \text{ĐKTđk} + 3 \times \text{ĐKThk}}{6}$$

Tổng các học sinh

2. Điểm trung bình môn học cả năm (ĐTBmcn) là trung bình cộng của ĐTBmhkI và ĐTBmhkII, trong đó ĐTBmhkII tính theo học sinh 2:

$$\text{ĐTBmhkI} + 2 \times \text{ĐTBmhkII}$$

$$\text{ĐTBmcn} = \frac{\text{ĐTBmhkI} + 2 \times \text{ĐTBmhkII}}{3}$$

Điều 12. Điểm trung bình các môn học kỳ, cả năm học

1. Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTBhk) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ của tất cả các môn với học sinh (a, b...) của tất cả môn học:

$$a \times \text{ĐTBmhk Toán} + b \times \text{ĐTBmhk Vật lý} + \dots$$

$$\text{ĐTBhk} = \frac{a \times \text{ĐTBmhk Toán} + b \times \text{ĐTBmhk Vật lý} + \dots}{a + b + \dots}$$

Tổng các học số

2. Điểm trung bình các môn học năm (ĐTBcn) là trung bình cộng của điểm trung bình học năm của tất cả các môn học, với học số (a, b...) của từng môn học:

$a \times \text{ĐTBmôn Toán} + b \times \text{ĐTBmôn Vật lý} + \dots$

ĐTBcn = -----

Tổng các học số

3. Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc học năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chẵn số thập phân thứ nhất sau khi đã làm tròn số.

4. Đối với các môn chuyên học trong 1 học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đó làm kết quả đánh giá, xếp loại của năm học.

5. Các trường hợp được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật, phần thực hành môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP-AN):

a) Học sinh trường THPT, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học được miễn học môn Thể dục, học sinh THCS được miễn học môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật, học sinh THPT được miễn học phần thực hành môn GDQP-AN, nếu thuộc 1 trong các trường hợp: mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật bẩm sinh; bị tai nạn hoặc bị bệnh phải đi điều trị;

b) Học sinh xin miễn học gồm có: đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận trường do bệnh viện tư cấp hủy bỏ trên cấp;

c) Việc cho phép miễn học đối với các trường hợp do bệnh đau hoặc tại nạn chấn áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật bẩm sinh hoặc trường hợp lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cấp học;

d) Hiệu trưởng cho phép học sinh được miễn học môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, phần thực hành môn GDQP-AN trong 1 học kỳ hoặc cả năm học. Nếu được miễn học cả năm học thì môn học này không tham gia đánh giá, xếp loại

học kỳ của học kỳ và cả năm học; nếu chỉ được miễn học 1 học kỳ thì lấy kết

quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đã học để đánh giá, xếp loại học kỳ cả năm;

đ) Đối với môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh: nếu học sinh được miễn học phần thực hành thì điểm trung bình môn học được tính căn cứ vào điểm kiểm tra phần lý thuyết.

Điều 13. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm

1. Loại giỏi, nếu có đủ các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó: điểm văn học sinh THPT chuyên thì điểm môn chuyên từ 8,0 trở lên; điểm văn học sinh THCS và THPT không chuyên thì có 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 8,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5.

2. Loại khá, nếu có đủ các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó: điểm văn học sinh THPT chuyên thì điểm môn chuyên từ 6,5 trở lên; điểm văn học sinh THCS và THPT không chuyên thì có 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 6,5 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0.

3. Loại trung bình, nếu có đủ các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó: điểm văn học sinh THPT chuyên thì điểm môn chuyên từ 5,0 trở lên; điểm văn học sinh THCS và THPT không chuyên thì có 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 5,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5.

4. Loại yếu: điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên và không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

5. Loại kém: các trường hợp còn lại.

6. Nếu ĐTBHK hoặc ĐTBCL đạt mức quy định cho từng loại nói trên các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, nhà trường do ĐTB của 1 môn học thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học sinh bị xếp thấp xu hướng thì được điều chỉnh như sau:

a) Nếu ĐTBHK hoặc ĐTBCL đạt mức loại G nhưng do ĐTB của 1 môn học phải xu hướng loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K;

b) Nếu ĐTBHK hoặc ĐTBCL đạt mức loại G nhưng do ĐTB của 1 môn học phải xu hướng loại Y hoặc kém thì được điều chỉnh xếp loại Tb;

c) Nếu ĐTBHK hoặc ĐTBCL đạt mức loại K nhưng do ĐTB của 1 môn học phải xu hướng loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb;

d) Nếu ĐTBHK hoặc ĐTBCL đạt mức loại K nhưng do ĐTB của 1 môn học phải xu hướng loại kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

CHƯƠNG IV: SỰ DẪNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 14. Xét cho lên lớp học không được lên lớp

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp:

a) Học sinh khỏe mạnh và học lực trung bình trở lên;

b) Học sinh không quá 45 tuổi học trong một năm học (học sinh có phép học không phép, học sinh liên tục học học sinh nghỉ học năm học trước).

2. Học sinh thuộc 1 trong các trường hợp dưới đây thì không được lên lớp:

a) Học sinh quá 45 tuổi học trong năm học (học sinh có phép học không phép, học sinh liên tục học học sinh nghỉ học năm học trước);

b) Học sinh có năm học kém học lực trung bình và học sinh khỏe mạnh năm học trước;

c) Sau khi đã được kiểm tra lại một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 điểm xếp loại lại học lực có năm học nghỉ học và không đạt loại trung bình;

d) Học sinh khỏe mạnh năm học trước, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè nên vẫn không được xếp loại lại và học sinh khỏe mạnh.

Điều 15. Kiểm tra lại các môn học

Học sinh xếp loại học sinh khỏe mạnh năm học trung bình trở lên nhưng học lực có năm học học lực yếu, được lựa chọn một số trong các môn học có điểm trung bình có năm học dưới 5,0 điểm kiểm tra lại. Điểm kiểm tra lại thay cho điểm trung bình có năm học có môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn học có năm học và xếp loại lại và học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 16. Rèn luyện học sinh khỏe mạnh trong kỳ nghỉ hè

Học sinh xếp loại học lực có năm học trung bình trở lên nhưng học sinh khỏe mạnh năm học xếp loại yếu thì phải rèn luyện thêm học sinh khỏe mạnh trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được thông báo đến chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kỳ nghỉ hè, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm được nghỉ hè hiệu trưởng cho xếp loại lại và học sinh khỏe mạnh; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 17. Xét công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến

1. Công nhận danh hiệu học sinh giỏi học lực có năm học, nếu đạt học sinh khỏe mạnh loại tốt và học lực có học lực giỏi.

2. Công nhận danh hiệu học sinh tiên tiến học kỳ hoặc cả năm học, nêu danh sách kèm theo lý do và học sinh tiếp tục học khá trở lên.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Điều 18. Trách nhiệm của giáo viên bộ môn

1. Thực hiện đầy đủ số lesson kiểm tra, cho điểm, ghi nhận xét vào bài kiểm tra từ 1 tiết trở lên và trực tiếp ghi điểm vào sổ ghi tên và ghi điểm.
2. Tính điểm trung bình môn học theo học kỳ, cả năm cả học sinh và trực tiếp ghi vào sổ ghi tên và ghi điểm, vào học bạ.

Điều 19. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm lớp

1. Kiểm tra sổ ghi tên và ghi điểm của lớp; giúp học sinh tiếp tục theo dõi việc kiểm tra cho điểm theo quy định của Quy chế này.
2. Tính điểm trung bình các môn học tiếp theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sắp xếp danh sách giáo viên bộ môn trong sổ ghi tên và ghi điểm, trong học bạ.
3. Đánh giá, xếp loại học sinh và học sinh tiếp theo học kỳ, cả năm học cả học sinh. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không đề nghị lên lớp; học sinh đề nghị công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện và học sinh trong kỳ nghỉ hè.
4. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.
5. Ghi vào sổ ghi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:
 - a) Kết quả đánh giá, xếp loại học sinh và học sinh tiếp theo học kỳ;
 - b) Kết quả đề nghị lên lớp hoặc không đề nghị lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ, cả năm học, đề nghị lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện học sinh trong kỳ nghỉ hè;
 - c) Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh.
6. Phối hợp với Đoàn Thanh niên tiên phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên công sở H. Chí

Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh

Viết bởi Administrator

Chủ nhật, 26 Tháng 8 2012 16:29 - Lần cập nhật cuối: Thứ tư, 28 Tháng 1 2015 10:28

Minh và Ban Điều hành nhà trường học sinh cấp lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Điều 20. Trách nhiệm của hiệu trưởng

- Hàng năm giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phối hợp với gia đình học sinh các quy định của Quy chế này; vận động quy định của Quy chế này để đánh giá, xếp loại học sinh khuyến khích, tận tâm.
- Kiểm tra việc thực hiện quy định và kiểm tra, cho điểm của giáo viên, hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ ghi tên và ghi điểm của các lớp.
- Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại, ghi kết quả vào sổ ghi tên và ghi điểm, vào học bạ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm lớp; phê chuẩn việc sắp xếp của giáo viên bộ môn khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp.
- Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, phối hợp kiểm tra lại các môn học, rèn luyện học sinh trong kỳ nghỉ hè. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh trong sổ ghi tên và ghi điểm và học bạ sau khi tất cả giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm lớp đã ghi nội dung.
- Tổ chức kiểm tra lại các môn học theo quy định tại Điều 15 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện và học sinh trong kỳ nghỉ hè.
- Quyết định xếp loại theo thẩm quyền, đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xếp loại và với tổ chức, cá nhân vì phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo, trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo

- Hàng năm các trường học thực hiện quy định quản lý thực hiện Quy chế này.
- Kiểm tra, yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện Quy chế này phải khắc phục ngay sai sót trong những việc sau đây:
 - Thực hiện chế độ kiểm tra cho điểm, ghi điểm vào sổ ghi tên và ghi điểm, học bạ; xếp loại học sinh, học lực học sinh;
 - Số liệu kết quả đánh giá, xếp loại học sinh và học lực của học sinh.

CHƯƠNG VI KHEN THƯỞNG VÀ XẾP LOẠI VI PHẠM

Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh

Viết bởi Administrator

Chỉnh sửa, 26 Tháng 8 2012 16:29 - Lần cập nhật cuối: Thứ 7, 28 Tháng 1 2015 10:28

Điều 22. Khen thưởng

Cá nhân và các tổ chức thực hiện tốt Quy chế này thì được khen thưởng theo

quy định về thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Học sinh vi phạm Quy chế này thì bị xử lý vi phạm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và các tổ chức vi phạm Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng

Nguyễn Thị N. Nhân